TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2018
V/v Ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16/01/2018 "V/v Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Văng Văn N - *Sinh năm*: 1964 (có mặt).
Địa chỉ: 69/2 ấp TM 2, xã VT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
Tạm trú: 1032 ấp TL, xã TT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Phạm Thị N - *Sinh năm*: 1962 (có mặt).
Địa chỉ: 69/2 ấp TM 2, xã VT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Văng Văn N trình bày: Văng Văn N và Phạm Thị N được cha mẹ hai bên thống nhất đi đến cưới nhau vào tháng 09/1989 hôn nhân tự nguyện, do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống rất hạnh phúc đến năm 2003 Phạm Thị N luôn lạnh nhạt với ông N thậm chí không nói chuyện với ông và đã nhiều lần bảo ông ly hôn, ông N suy nghĩ tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với Phạm Thị N. Về con chung: Có 02 con chung là Văng Thị Phương T sinh năm 1989 và Văng Hữu L sinh năm 1991, hai con đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải. Về tài sản và nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Lời trình bày của ông Văng Văn N là đúng sự thật. Vợ chồng cưới nhau vào tháng 09/1989 đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà N đồng ý ly hôn với Văng Văn N. Về con chung: Có 02 con chung là Văng Thị Phương T sinh năm 1989 và Văng Hữu L sinh năm 1991, các con đã thành niên, bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Văng Văn N và Phạm Thị N sống chung như vợ chồng vào tháng 9 năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung rất hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng lạnh nhạt thậm chí không ai quan tâm đến ai. Điều đó làm cho tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Văng Văn N và Phạm Thị N sống chung nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không công nhận là vợ chồng đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật HN&GĐ cụ thể quy định như sau *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HN&GĐ có quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 Luật HN&GĐ có ghi *"…Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…".*

Vì vậy về quan hệ hôn nhân của ông Văng Văn N và bà Phạm Thị N là không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Văng Văn N và Phạm Thị N có 02 con chung là Văng Thị Phương T sinh năm 1989 và Văng Hữu L sinh năm 1991 tất cả đều đã thành niên mà Văng Văn N và Phạm Thị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Văng Văn N và Phạm Thị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Văng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Văng Văn N và bà Phạm Thị N là vợ chồng.

2. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Văng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00947 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Văng Văn N đã thực hiện xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/3/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.